

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN A  
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 08/2019/HNGĐ-ST  
Ngày 26-4-2019  
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn H.

*Các Hội thẩm nhân dân:*

Bà Bùi Thu Lan;

Ông Đàm Công Du.

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Lương Đăng Bùi - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố H.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố H tham gia phiên tòa:** Bà Trương Thị Thu Hà - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 4 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện A, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 07/2019/TLST-HNGĐ ngày 04 tháng 01 năm 2019 về việc “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 351/2019/QĐXXST- HNGĐ ngày 01 tháng 4 năm 2019; Quyết định hoãn phiên tòa số 427/2019/QĐST-HNGĐ ngày 18 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Nguyễn Thị H, trú tại: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa (có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh Phan Văn H, trú tại: Thôn N, xã T, huyện A, thành phố H, vắng mặt tại phiên tòa.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo đơn khởi kiện đề ngày 10 tháng 12 năm 2018, bản tự khai và biên bản lấy lời khai của nguyên đơn chị Nguyễn Thị H trình bày: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố H vào ngày 12 tháng 6 năm 2013. Quá trình chung sống tình cảm vợ chồng hòa thuận đến năm 2016 bắt đầu xảy ra nhiều mâu thuẫn nguyên nhân do vợ chồng bất đồng về

quan điểm sống, không thông cảm chia sẻ với nhau, thường hay xảy ra cãi nhau. Anh H sống ích kỷ không quan tâm đến vợ con, thường hay tụ tập bạn bè chơi bời, rượu chè. Chị H có tham gia với anh H nhưng anh H không nghe nên từ cuối năm 2017 chị H bỏ về nhà bố mẹ để sống, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Nay chị H xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, không thể chung sống với nhau được nên chị H đề nghị Tòa án giải quyết được ly hôn anh H. Về con chung: Chị H và anh H có 01 con chung là Phan Văn T, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2007. Chị H đề nghị được nuôi con và không yêu cầu anh H pH cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung: Chị H trình bày: Chị và anh H không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Lời khai của anh Phan Văn H trình bày: Anh H thống nhất với chị H về thời gian và điều kiện kết hôn và xác định vợ chồng có mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng bất đồng về quan điểm sống, chị H đi làm có tiền coi thường chồng và có những lời lẽ xúc phạm chồng, vợ chồng sống với nhau nhưng không có sự thông cảm chia sẻ với nhau, thường hay xảy ra cãi nhau. Từ cuối năm 2017 chị H đã tự ý bỏ về gia đình bố mẹ để sinh sống, vợ chồng không quan tâm đến. Nay chị H xin ly hôn với anh, anh H đề nghị tòa án hòa giải để vợ chồng về đoàn tụ với nhau, trường hợp chị H vẫn kiên quyết ly hôn đề nghị Tòa án căn cứ theo quy định pháp luật để giải quyết; về con chung: Anh H thống nhất với chị H vợ chồng có 01 con chung là Phan Văn T, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2007, anh H có ý kiến nhường quyền nuôi con cho chị H và anh H không pH cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung vợ chồng anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố H tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và quan điểm giải quyết vụ án như sau:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã đảm bảo đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Bị đơn anh Phan Văn H không đến tham gia tố tụng tại phiên tòa là không tuân thủ các điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về đường lối giải quyết vụ án: Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xử cho chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phan Văn H; về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao con là Phan Văn T, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng đến khi con trưởng thành đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật, tạm hoãn việc anh Phan Văn H cấp dưỡng nuôi con; về tài sản chung: Chị H và anh H không

yêu cầu giải quyết nên đề nghị không xem xét giải quyết; về án phí: Căn cứ vào khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án chị Nguyễn Thị H pH nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về tố tụng*: Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện A, thành phố H theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chị Nguyễn Thị H có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt; bị đơn là anh Phan Văn H vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do, không có đơn đề nghị tòa án xét xử vắng mặt mặc dù Tòa án đã tổng đạt hợp lệ. Căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn chị Nguyễn Thị H và bị đơn anh Phan Văn H.

[2] *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn H đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện A, thành phố H vào ngày 12 tháng 6 năm 2013 được xác định là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do tính cách, lối sống vợ chồng không hợp nhau, vợ chồng không có sự chia sẻ và quan tâm với nhau, chị H đã tham gia anh H nhiều lần nhưng không có kết quả, dẫn đến cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc, mâu thuẫn kéo dài và được gia đình hai bên hòa giải nhưng không có kết quả. Chị H và anh H đã sống ly thân với nhau từ năm 2017 cho đến nay, vợ chồng không quan tâm đến nhau. Xét thấy tình trạng mâu thuẫn giữa chị H và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, yêu cầu ly hôn của chị H là có căn cứ và hoàn toàn phù hợp với quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình nên chấp nhận.

[3] *Về con chung*: Chị H và anh H có 01 con chung là Phan Văn T, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2007. Chị Hằng đề nghị được nuôi dưỡng con, chị H không yêu cầu anh H pH cấp dưỡng nuôi con; cháu Phan Văn T có ý kiến được ở với chị Nguyễn Thị H. Xét đề nghị của chị H là hoàn toàn phù hợp Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình nên cần chấp nhận.

[4] *Về tài sản chung*: Chị H, anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] *Về án phí*: Chị H pH nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 235, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 19, Điều 51, Điều 53, Điều 56, Điều 57, Điều 81, Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chị Nguyễn Thị H được ly hôn anh Phan Văn H.

2. Về con chung: Giao con Phan Văn T, sinh ngày 20 tháng 4 năm 2007 cho chị Nguyễn Thị H nuôi dưỡng đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Tạm hoãn việc anh Phan Văn H cấp dưỡng nuôi con.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị H pH nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí chị Nguyễn Thị H đã nộp là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0017045 ngày 04 tháng 01 năm 2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A, thành phố H. Chị Nguyễn Thị H đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo bản án:

Chị Nguyễn Thị H và anh Phan Văn H có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

***Nơi nhận:***

- TANDTP H;
- VKSND huyện A;
- Chi cục THADS huyện A;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ, HCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Hải**

